

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/DS-ST
Ngày 21-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2024/TLST-DS ngày 26/12/2024, về Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-DS ngày 27/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-DS ngày 12/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn C; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Phạm Văn C: Ông Nguyễn Văn K; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương (theo Giấy uỷ quyền ngày 22/7/2024), có mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Thành T; địa chỉ: Thôn F, xã L, huyện V, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị D; nơi cư trú: Thôn F, xã L, huyện V, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn K trình bày:

Cửa hàng phân phối thiết bị vật liệu xây dựng C; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương do ông Phạm Văn C là chủ cửa hàng đã bán cho vợ chồng anh Ngô Thành T, chị Lê Thị D các loại mặt hàng: Gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, thiết bị điện nước, ngói lợp mái nhà kể từ tháng 6 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023 với thoả thuận giữa hai bên là thanh toán theo từng giai đoạn lấy hàng. Nếu cửa hàng Cường V cung cấp sai hoặc thừa các mặt hàng mà vợ chồng anh T, chị D không sử dụng đến thì trả lại cho cửa hàng Cường V. Trên các hoá đơn mua bán hàng thì anh T là người ký nhận và có một số hoá đơn mua bán hàng do người nhà và thợ của anh T ký nhận thay. Đến ngày 08/12/2023 cửa hàng Cường V đã giao đủ các mặt hàng cho vợ chồng anh T, chị D1 vợ chồng anh T, chị D đã thanh toán được cho cửa hàng C Vững tổng số tiền là 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng. Tính đến ngày 21/6/2025 vợ chồng anh T, chị D còn nợ cửa hàng Cường V tổng số tiền gốc là 120.750.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Nay, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cửa hàng anh Phạm Văn C đề nghị Toà án buộc vợ chồng anh Ngô Thành T, chị Lê Thị D phải thanh toán **số tiền gốc còn nợ là 120.750.000 đồng và tiền lãi là 10%/năm tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 21/6/2025 là 537 ngày, thành tiền 17.765.000 đồng. Tổng cộng 138.515.000 (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm mười lăm nghìn) đồng.**

- Bị đơn, anh Ngô Thành T vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng tại Toà án nhưng tại Biên bản lấy lời khai của đương sự anh T trình bày: Anh xác nhận năm 2023 vợ chồng anh có mua của cửa hàng C1; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương các loại mặt hàng: Gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, thiết bị điện nước, ngói lợp mái nhà với giá thoả thuận giữa hai bên và thanh toán theo từng giai đoạn lấy hàng để xây dựng nhà ở, quá trình giao nhận hàng có hoá đơn do anh ký nhận hoặc nhờ thợ ký nhận hộ. Quá trình mua hàng vợ chồng anh đã thanh toán cho anh C được 160.000.000 đồng. Tính đến nay, vợ chồng anh còn nợ cửa hàng Cường V tổng số tiền là 120.750.000 (Một trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Nay, do làm ăn gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng anh đề nghị được trả dần số nợ gốc và xin số tiền lãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị D thống nhất với lời khai của anh Ngô Thành T.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ vào các điều 351, 357, 430, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ của Hợp đồng mua bán Gạch ốp lát, thiết bị điện nước, thiết bị vệ sinh từ tháng 6/2023 đến tháng 12/2023 với tổng số tiền là **138.515.000 (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm mười lăm nghìn) đồng. Trong đó: nợ gốc là 120.750.000 đồng và nợ lãi là 17.765.000 đồng; về án phí: Vợ chồng anh Ngô Thành T, chị Lê Thị D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Phạm Văn C (chủ cường hàng Cường V) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Ngô Thành T, chị Lê Thị D có nơi cư trú tại xã L, huyện V, thành phố Hải Phòng phải trả nợ gốc, lãi theo Hợp đồng mua bán Gạch ốp lát, thiết bị điện nước, thiết bị vệ sinh từ tháng 6/2023 đến tháng 12/2023. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hoá và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung vụ án:

[3] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Từ tháng 6 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023, giữa anh Phạm Văn C (Chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Cường V) với vợ chồng anh Ngô Thành T, chị Lê Thị D có thỏa thuận mua bán Gạch ốp lát, thiết bị điện nước, thiết bị vệ sinh, việc thỏa thuận là tự nguyện, tự định đoạt, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật. Do đó, Hợp đồng mua bán Gạch ốp lát, thiết bị điện nước, thiết bị vệ sinh giữa anh Phạm Văn C và vợ chồng anh Ngô Thành T, chị Lê Thị D đã có hiệu lực pháp luật, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận tại hợp đồng.

[4] Thực hiện Hợp đồng mua bán Gạch ốp lát, thiết bị điện nước, thiết bị vệ sinh từ tháng 6 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023 anh Phạm Văn C và vợ chồng anh Ngô Thành T, chị Lê Thị D đều xác nhận anh C đã giao đủ các mặt hàng như đã thỏa thuận cho vợ chồng anh T, chị D, vợ chồng anh T, chị D đã thanh toán được cho anh C tổng số tiền là 160.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc còn lại giữa anh C và vợ chồng anh T, chị D đã thống nhất là 120.750.000 đồng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là chứng cứ không phải chứng minh. Nay, vợ chồng anh T, chị D vẫn chưa thanh toán cho anh C số nợ trên là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn C buộc chị vợ chồng anh Ngô Thành T, chị Lê Thị D phải trả số tiền còn nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về lãi suất chậm trả: Trong hợp đồng mua bán Gạch ốp lát, thiết bị điện nước, thiết bị vệ sinh các bên không thỏa thuận về lãi suất chậm trả. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì việc anh C yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh T, chị D phải trả số tiền lãi chậm trả là 10%/năm tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 21/6/2025 với tổng số tiền là 17.765.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/6/2025, vợ chồng anh T, chị D còn nợ và phải trả cho anh Phạm Văn C tổng số tiền của Hợp đồng mua bán Gạch ốp lát, thiết bị điện nước, thiết bị vệ sinh từ tháng 6 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023 tổng số tiền là **138.515.000 (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm mười lăm nghìn) đồng. Trong đó: nợ gốc là 120.750.000 đồng và nợ lãi là 17.765.000 đồng.**

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn C được chấp nhận toàn bộ nên vợ chồng anh T, chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho anh Phạm Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 351, 357, 430, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn C.

Buộc vợ chồng anh Ngô Thành T, chị Lê Thị D phải trả cho anh Phạm Văn C số tiền còn nợ của Hợp đồng mua bán Gạch ốp lát, thiết bị điện nước, thiết bị vệ từ tháng 6 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023 tổng số tiền là **138.515.000 (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm mười lăm nghìn) đồng. Trong đó: nợ gốc là 120.750.000 đồng và nợ lãi là 17.765.000 đồng.**

Kể từ ngày anh Phạm Văn C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, vợ chồng anh Ngô Thành T, chị Lê Thị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Vợ chồng anh Ngô Thành T, chị Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.925.000 đồng (Sáu triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

- Trả lại cho anh Phạm Văn C 3.222.000 (Ba triệu hai trăm hai mươi hai nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo theo biên lai thu số 0009522 ngày 25/12/2024.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Vịnh